

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 149/2017/DS-PT

Ngày 31 - 7 - 2017

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự- Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Lê Thành Tôn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2017/TLPT- DS ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự – Hợp đồng vay tài sản”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 156/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Thị Hồng T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 96, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Kim N, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 278/1, Quốc lộ 80, khóm H, phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: chị Đỗ Thị Hồng T là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện vào ngày 03/3/2016 của chị Đỗ Thị Hồng T, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị T trình bày:

Trong năm 2013, chị T cho chị N vay tiền 14 lần như sau:

- Ngày 19/11/2013 (âm lịch) cho vay 6.000.000 đồng, tính lãi 1.200.000 đồng, thỏa thuận trả góp 240.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 6.000.000đ + lãi 1.200.000đ = 7.200.000 đồng.

- Ngày 21/11/2013 (âm lịch) cho vay 5.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 5.000.000đ + lãi 1.000.000đ = 6.000.000 đồng.

- Ngày 22/11/2013 (âm lịch) cho vay 5.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 5.000.000đ + lãi 1.000.000đ = 6.000.000 đồng.

- Ngày 23/11/2013 (âm lịch) cho vay 6.000.000 đồng, tính lãi 1.200.000 đồng, thỏa thuận trả góp 240.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 6.000.000đ + lãi 1.200.000đ = 7.200.000 đồng.

- Ngày 01/12/2013 (âm lịch) cho vay 5.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày x 30 ngày liên tục = 6.000.000 đồng thì dứt nợ. Chị N đã trả góp được 15 ngày x 200.000đ/ngày = 3.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ 10 ngày x 200.000đ/ngày = 2.000.000 đồng.

- Ngày 03/12/2013 (âm lịch) cho vay 5.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày x 30 ngày liên tục = 6.000.000 đồng thì dứt nợ. Chị N đã trả góp được 17 ngày x 200.000đ/ngày = 3.400.000 đồng thì ngưng, còn nợ 13 ngày x 200.000đ/ngày = 2.600.000 đồng.

- Ngày 04/12/2013 (âm lịch) cho vay 6.000.000 đồng, tính lãi 1.200.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày x 36 ngày liên tục = 7.200.000 đồng thì dứt nợ. Chị N đã trả góp được 16 ngày x 200.000đ/ngày = 3.200.000 đồng thì ngưng, còn nợ 20 ngày x 200.000đ/ngày = 4.000.000 đồng.

- Ngày 06/12/2013 (âm lịch) cho vay 18.000.000 đồng, tính lãi 2.800.000 đồng, thỏa thuận trả góp 500.000đ/ngày liên tục cho đến khi dứt nợ. Chị N không góp được ngày nào, còn nợ vốn 18.000.000đ + lãi 2.800.000đ = 20.800.000 đồng.

- Ngày 10/12/2013 (âm lịch) cho vay 10.000.000 đồng, tính lãi 1.600.000 đồng, thỏa thuận trả góp 400.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N đã trả góp được 04 ngày x 400.000đ/ngày = 1.600.000 đồng thì ngưng, còn nợ 25 ngày x 400.000đ/ngày = 10.000.000 đồng.

- Ngày 11/12/2013 (âm lịch) cho vay 5.000.000 đồng, tính lãi 1.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp 200.000đ/ngày x 30 ngày liên tục = 6.000.000 đồng thì dứt nợ. Chị N đã trả góp được 05 ngày x 200.000đ/ngày = 1.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ 25 ngày x 200.000đ/ngày = 5.000.000 đồng.

- Ngày 13/12/2013 (âm lịch) cho vay 3.500.000 đồng, tính lãi 700.000 đồng, thỏa thuận trả góp 140.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không góp lần nào, còn nợ 4.200.000 đồng.

- Ngày 16/12/2013 (âm lịch) cho vay 12.000.000 đồng, tính lãi 2.400.000 đồng, thỏa thuận trả góp 500.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 12.000.000đ + lãi 2.400.000đ = 14.400.000 đồng.

- Ngày 17/12/2013 (âm lịch) cho vay 4.000.000 đồng, tính lãi 800.000 đồng, thỏa thuận trả góp 160.000đ/ngày trong 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Chị N không trả góp được lần nào, còn nợ vốn 4.000.000đ + lãi 800.000đ = 4.800.000 đồng.

- Tháng 12 năm 2013 (âm lịch) không nhớ ngày, cho vay không nhớ số tiền, cũng không có biên nhận, không ghi sổ, chỉ nhớ thỏa thuận góp 150.000đ/ngày trong bao nhiêu ngày cũng không nhớ. Chị T cũng không nhớ chị N góp được bao nhiêu ngày, bao nhiêu tiền. Đến ngày 25/12/2013 (dương lịch) thì chị N thống nhất còn nợ lại chị T số tiền 1.100.000 đồng.

Tổng cộng 14 lần vay thì chị N còn nợ chị T vốn lãi tính chung là: 95.300.000 đồng. Đến ngày 25/12/2013 (dương lịch), hai bên cộng sổ thống nhất số nợ là 95.300.000 đồng. Chị N có viết giấy nhận nợ xác nhận còn nợ 95.300.000 đồng và cam kết trả góp 150.000đ/ngày đến hết ngày 25/01/2015 (dương lịch) là dứt nợ. Nhưng sau đó tính đến cuối năm 2016, chị N chỉ trả góp được 8.900.000 đồng thì ngưng.

Nay chị T xác định chị N còn nợ 95.300.000 đồng – 8.900.000 đồng = 86.400.000 đồng. Chị T yêu cầu chị N trả cho chị số tiền vay là 86.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Theo bản tự khai ngày 06/3/2017 của chị Nguyễn Kim N, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, chị N trình bày:

Chị N không đồng ý thống nhất với ý kiến, yêu cầu của chị T. Chị N không vay tiền 14 lần thỏa thuận trả góp như chị T trình bày. Chị N xác định chỉ vay tiền của chị T 04 lần như sau:

- Khoảng đầu năm 2013 (không nhớ ngày tháng) chị N có vay của chị T 2.000.000 đồng thỏa thuận trả góp 80.000đ/ngày x 30 ngày liên tục thì dứt nợ. Sau khi vay, góp được 20 ngày x 80.000đ = 1.600.000 đồng, còn nợ 10 ngày x 80.000đ/ngày = 800.000 đồng thì chị N ngưng và vay thêm 5.000.000 đồng, chị T đồng ý cho vay nhưng lại trừ 800.000 đồng nên chị N chỉ còn nhận được 5.000.000đ – 800.000đ = 4.200.000 đồng, hai bên thỏa thuận vay 5.000.000 đồng trả góp 200.000đ/ngày x 30 ngày liên tục = 6.000.000 đồng thì dứt nợ.

- Sau khi vay 5.000.000 đồng thì chị N góp được 20 ngày x 200.000đ = 4.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ 10 ngày x 200.000đ = 2.000.000 đồng và vay thêm 5.000.000 đồng, chị T đồng ý cho vay nhưng đòi trừ 2.000.000 đồng, chị N đồng ý nên chỉ còn nhận 5.000.000đ – 2.000.000đ = 3.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận vay 5.000.000 đồng trả góp 200.000đ/ngày x 30 ngày liên tục = 6.000.000 đồng thì dứt nợ.

- Sau khi vay, chị N góp được 20 ngày x 200.000đ = 4.000.000 đồng thì ngưng góp, còn nợ 10 ngày x 200.000đ = 2.000.000 đồng và vay thêm 10.000.000 đồng nhưng chị T trừ 2.000.000 đồng nên chị N chỉ nhận được 1.000.000đ – 2.000.000đ = 8.000.000 đồng, chị T trừ tiếp tiền lãi của 3 khoản vay tổng cộng 4.000.000 đồng, nên chị N chỉ nhận được 4.000.000 đồng.

- Sau khi vay 10.000.000 đồng thì chị N trả góp được 20 ngày x 400.000đ/ngày = 8.000.000 đồng thì ngưng, còn nợ 10 ngày x 400.000đ/ngày = 4.000.000 đồng. Chị T tính lãi suất 20%/tháng, sau đó chị N đóng lãi được 12 tháng x 20%/tháng x 4.000.000 đồng = 9.600.000 đồng thì ngưng không trả vốn, đóng lãi.

Sau đó, chị T tính vốn lãi ra thành 95.300.000 đồng và yêu cầu chị N viết giấy nhận nợ ngày 25/12/2013 dương lịch nội dung xác nhận chị N có mượn chị T số tiền 95.300.000 đồng. Sau khi viết giấy nhận nợ ngày 25/12/2013, tính đến năm 2016 chị N trả góp cho chị T được 54.000.000đ + 18.000.000đ + 8.000.000đ + 2.650.000đ = 82.650.000 đồng thì ngưng.

Nay chị N chỉ đồng ý trả cho chị T vốn vay lúc đầu với số tiền là 22.000.000 đồng. Đối với tiền lãi trả góp đã đóng từ khi vay đến khi xảy ra tranh chấp, chị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, không yêu cầu điều chỉnh, căn trừ vào nợ vay theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Kim N đồng ý trả cho chị Đỗ Thị Hồng T số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), không tính lãi.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 16/2017/DS – ST, ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đỗ Thị Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Nguyễn Kim N.

Buộc chị Nguyễn Kim N trả cho chị Đỗ Thị Hồng T nợ vay 19.815.500 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đỗ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.329.200 đồng. Số tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị Hồng T đã nộp 2.175.000 đồng theo biên lai số 10515 ngày 03/3/2017 được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm phải nộp. Chị Đỗ Thị Hồng T phải nộp tiếp 1.154.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 990.700 đồng. Giảm một phần án phí cho chị Nguyễn Kim N. Chị Nguyễn Kim N còn phải nộp tiếp 500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi theo mức lãi suất bằng 10%/năm đối với số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/5/2017, chị Đỗ Thị Hồng T kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Đỗ Thị Hồng T kháng cáo yêu cầu chị Nguyễn Kim N trả cho chị số tiền còn nợ là 86.400.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, chị T chỉ yêu cầu chị N trả cho chị tổng cộng số tiền 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

Chị Đỗ Thị Hồng T chỉ yêu cầu chị Nguyễn Kim N trả cho chị số tiền vay tổng cộng là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chị Nguyễn Kim N đồng ý trả cho chị Đỗ Thị Hồng T số tiền vay tổng cộng là 45.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T và chị N đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của hai bên đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị T và chị N.

Sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa bản án sơ thẩm theo sự thỏa thuận của chị T và chị N tại phiên tòa phúc thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148, Điều 300 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 471, 474, 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện C.

- Chị Đỗ Thị Hồng T yêu cầu chị Nguyễn Kim N trả cho chị số tiền vay tổng cộng là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Chị Nguyễn Kim N đồng ý trả cho chị Đỗ Thị Hồng T số tiền vay tổng cộng là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng), không tính lãi.

Buộc chị Nguyễn Kim N có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Hồng T số tiền vay tổng cộng là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị T, nếu chị N chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền sẽ được tính lãi theo mức lãi suất bằng 50% của mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Kim N phải chịu 2.250.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được xét giảm 50% án phí nên chị N phải chịu 1.125.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Chị Đỗ Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Đỗ Thị Hồng T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 2.175.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 10515 ngày 03/3/2017 và số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 10730, ngày 10/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Liên Hiệp

